

ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KÌ II NĂM HỌC 2017-2018
MÔN ĐỊA LÍ 11

I. NỘI DUNG

Bài 9 : NHẬT BẢN

- Điều kiện tự nhiên(vị trí địa lí, lãnh thổ, địa hình, khí hậu, biển....)
- Dân cư
- Kinh tế (Tình hình phát triển, Công nghiệp, Nông nghiệp, Dịch vụ)
- Bốn vùng kinh tế gắn với bốn đảo lớn
- Thực hành kinh tế đối ngoại Nhật Bản

Bài 10 : CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA (TRUNG QUỐC)

- Vị trí địa lí và lãnh thổ
- Điều kiện tự nhiên: Miền Đông, Miền Tây
- Dân cư và xã hội
- Khái quát về kinh tế
- Các ngành kinh tế (Công nghiệp, Nông nghiệp)
- Thực hành sự thay đổi của nền kinh tế Trung Quốc

Bài 11 : KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

- Vị trí địa lí và lãnh thổ
- Điều kiện tự nhiên (ĐNÁ lục địa, biển đảo)
- Dân cư và xã hội
- Cơ cấu kinh tế
- Công nghiệp
- Dịch vụ
- Nông nghiệp
- Mục tiêu và cơ chế hợp tác của ASEAN
- Thành tựu của ASEAN
- Thách thức của ASEAN
- Việt Nam trong quá trình hội nhập ASEAN
- Thực hành hoạt động kinh tế đối ngoại Đông Nam Á

II. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Cấp độ Tên chủ đề (Bài)	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng				Cộng	
					Cấp độ thấp		Cấp độ cao			
	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL
NHẬT BẢN	- Biết vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Nhật Bản. - Trình bày đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên - Trình bày được sự phát triển và phân bố của những ngành kinh tế chủ chốt. - Nêu được sự phân bố một số ngành sản xuất tại vùng kinh tế phát triển ở đảo Hôn-su và Kiu-xiu.	Trình bày về đặc điểm tự nhiên	- Phân tích được các đặc điểm dân cư và ảnh hưởng của chúng tới kinh tế. - Phân tích được những thuận lợi, khó khăn của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế. - Giải thích được sự phát triển và phân bố của những ngành kinh tế chủ chốt.		-		Phân tích được bảng số liệu, biểu đồ, nhận dạng từ bảng số liệu để xác định loại biểu đồ cần vẽ			
Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:	số câu:2 = 0.66đ	số câu:1 =2.0đ	số câu:2 = 0.66đ				số câu:1 = 0.33đ		số câu:5 = 1,67đ	số câu:1 =2.0đ
TRUNG QUỐC	- Nêu được vị trí địa lí, phạm		Phân tích được những		-		- Nhận xét các số			

	vì lãnh thổ Trung Quốc. - Trình bày đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên., dân cư	<i>Trình bày về đặc điểm tự nhiên</i>	thuận lợi, khó khăn của ĐKTN và TNTN đối với sự phát triển kinh tế-xã hội. - Phân tích đặc điểm dân cư và ảnh hưởng của chúng tới kinh tế. - Phân tích được đặc điểm phát triển kinh tế, một số ngành kinh tế chủ chốt.				liệu, tư liệu về dân cư, thành tựu phát triển kinh tế của Trung Quốc			
Số câu: 6 Số điểm: 2	số câu: 2 = 0.66đ		số câu: 2 = 0.66đ				số câu: 1 = 0.33đ		số câu: 5 = 1,67đ	
ĐÔNG NAM Á	- Nêu được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ khu vực Đông Nam Á. - Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và dân cư của khu vực ĐNÁ.	<i>Trình bày về đặc điểm tự nhiên</i>	- So sánh điểm khác biệt về đặc điểm tự nhiên giữa ĐNÁ lục địa và ĐNÁ biển đảo - Giải thích được các đặc điểm dân cư. - Phân tích	<i>Giải thích được sự chú trọng phát triển một số ngành kinh tế ở các nước ĐNÁ</i>	-	<i>Xử lí số liệu về kinh tế - Xã hội. Rút ra các nhận xét, giải thích nguyên nhân</i>	Liên hệ được tác động của ASEAN đối với phát triển kinh tế-xã hội ở VN. - Thu thập			

	- Trình bày được một số đặc điểm kinh tế. - Sử dụng bản đồ để nhận biết và trình bày được vị trí các nước thành viên của ASEAN- Nêu được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ khu vực Đông Nam Á. - Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và dân cư của khu vực ĐNÁ. - Trình bày được một số đặc điểm kinh tế. - Sử dụng bản đồ để nhận biết và trình bày được vị trí các nước thành viên của ASEAN		được mục tiêu của Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) ; cơ chế hoạt động, một số hợp tác cụ thể trong kinh tế, văn hoá ; thành tựu và thách thức của các nước thành viên.				thông tin về sự hợp tác giữa Việt Nam và các nước Đông Nam Á. Liên hệ được tác động của ASEAN đối với phát triển kinh tế-xã hội ở VN. - Thu thập thông tin về sự hợp tác giữa Việt Nam và các nước Đông Nam Á.			
Số câu: 3 Số điểm: 1	số câu:2 = 0.66đ		số câu:2 = 0.66đ			<i>Số câu: 1</i> <i>Số điểm :2</i>	số câu:1 = 0.33đ		số câu:5 = 1,67đ	Số câu 3 số điểm 3

Tỉ lệ:										
Tổng số câu: Tổng số điểm :10,0 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 6 Số điểm : 2 Tỉ lệ: 20 %	<i>Số câu: 1</i> <i>Số điểm :2</i> <i>Tỉ lệ: 20 %</i>	Số câu: 6 Số điểm : 2 Tỉ lệ: 20 %	<i>Số câu: 1</i> <i>Số điểm :1</i> <i>Tỉ lệ: 10 %</i>		<i>Số câu: 1</i> <i>Số điểm :2</i> <i>Tỉ lệ: 20 %</i>	Số câu: 3 Số điểm : 1.0 Tỉ lệ: 10%		Trắc nghiệm 15 câu = 5 đ. (50%)	Tự luận 3 câu = 5 đ (50%)

LƯU Ý: MỨC ĐỘ NHẬN BIẾT CỦA PHẦN TỰ LUẬN CHỈ RA MỘT TRONG BA NỘI DUNG: HOẶC TRUNG QUỐC, HOẶC NHẬT BẢN HOẶC ĐÔNG NAM Á. NÊN BẢNG ĐIỂM TỔNG CHỈ CÓ 1 CÂU 2 ĐIỂM.

(Học sinh được sử dụng tập bản đồ địa lí thế giới)